

Số: 19/2016/NQ-ĐHĐCĐ

Biên Hòa, Ngày 15 tháng 03 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai được tiến hành lúc 08 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 03 năm 2016 tại Trung tâm tổ chức hội nghị và tiệc cưới Golden Palace (Số 04-06 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai).

Đại hội có mặt 105 cổ đông và đại diện ủy quyền, tương ứng với 11.673.223 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,5354% tổng số số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đã thảo luận và quyết nghị các vấn đề sau đây:

**ĐIỀU I:**

1/ Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, nhiệm kỳ 5 năm (2011 – 2015) và chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

- Tổng Doanh thu	:	336.745.000.000 đồng
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	:	54.010.000.000 đồng
- Tổng số thuế phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	:	6.537.000.000 đồng
- Tổng vốn đầu tư XDCB	:	161.921.000.000 đồng

b) Chỉ tiêu kế hoạch năm 2016:

- Tổng Doanh thu	:	352.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	:	55.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế sử dụng để phân phối	:	49.500.000.000 đồng
- Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	:	14.200.000.000 đồng
- Tổng vốn đầu tư XDCB	:	90.000.000.000 đồng



Kết quả biểu quyết: 97,0635%

2/ Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai do Công ty TNHH Kiểm toán D.T.L thực hiện.

Kết quả biểu quyết: 97,0635%

3/ Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát HĐQT và Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành năm 2015 của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

Kết quả biểu quyết: 97,0635%

4/ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

**a) phân phối lợi nhuận năm 2015:**

1. Lợi nhuận sử dụng để phân phối	:	<b>48.221.890.661 đồng</b>
2. Trích lập các quỹ	:	26.522.039.863 đồng
2.1 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (4%)	:	1.928.875.626 đồng
2.2 Quỹ đầu tư phát triển (40%)	:	19.288.756.264 đồng
2.3 Quỹ chi cho công tác xã hội (3%)	:	1.446.656.720 đồng
2.4 Quỹ khen thưởng & phúc lợi (7%)	:	3.375.532.346 đồng
2.5 Quỹ khen thưởng Ban Điều hành (1%)	:	482.218.907 đồng
3. Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ	:	21.699.850.798 đồng
4. Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang	:	1.935.866.671 đồng
5. Chia cổ tức (17%/vốn điều lệ)	:	20.991.577.900 đồng
6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau	:	2.644.139.569 đồng

**b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016:**

1. Lợi nhuận sử dụng để phân phối	:	<b>49.500.000.000 đồng</b>
2. Trích lập các quỹ	:	27.225.000.000 đồng
2.1 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (4%)	:	1.980.000.000 đồng
2.2 Quỹ đầu tư phát triển (40%)	:	19.800.000.000 đồng
2.3 Quỹ chi cho công tác xã hội (3%)	:	1.485.000.000 đồng
2.4 Quỹ khen thưởng & phúc lợi (7%)	:	3.465.000.000 đồng
2.5 Quỹ khen thưởng Ban Điều hành (1%)	:	495.000.000 đồng
3. Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ	:	22.275.000.000 đồng
4. Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang	:	2.644.139.569 đồng
5. Dự kiến chia cổ tức (19%/vốn điều lệ)	:	23.461.175.300 đồng





6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối

chuyển năm sau : 1.457.964.269 đồng

Kết quả biểu quyết: 94,9584 %

5/ Thông qua mức thù lao của HĐQT, Ban Kiểm Soát, Thư ký HĐQT và mức lương chuyên trách của Trưởng Ban kiểm soát như sau:

- Mức thù lao của HĐQT, Ban Kiểm Soát, Thư ký HĐQT năm 2015 là 1% lợi nhuận sau thuế (48.273.088.709 đồng x 1% = 482.730.887 đồng).
- Mức thù lao của HĐQT, Ban Kiểm Soát và Thư ký HĐQT năm 2016 là 1% lợi nhuận sau thuế.
- Mức lương chuyên trách của Trưởng Ban kiểm soát năm 2016 là 25.200.000 đồng/tháng.

Kết quả biểu quyết: 96,9355 %

6/ Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

- Đại hội đồng Cổ đông nhất trí phê chuẩn phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai gồm các Công ty sau:
  - Công ty TNHH Kiểm toán D.T.L
  - Công ty TNHH dịch vụ tư vấn, tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN)
  - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Giao cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán thực hiện báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

Kết quả biểu quyết: 97,0635 %

7/ Thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty.

Kết quả biểu quyết: 96,6981 %

8/ Thông qua danh sách Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 – 2020 gồm những Ông/Bà có tên sau:

- Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị:
  1. Ông Trần Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT
  2. Ông Đỗ Văn Sâm – Phó Chủ tịch HĐQT
  3. Ông Huỳnh Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT
  4. Ông Phan Trọng Dũng – Thành viên HĐQT

5. Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên HĐQT
- Danh sách Thành viên Ban kiểm soát:
    1. Bà Lê Thị Bích Loan – Trưởng BKS
    2. Bà Hoàng Thị Thu Thủy – Thành viên BKS
    3. Ông Võ Văn Minh – Thành viên BKS

**ĐIỀU II:**

Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai nhất trí giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được toàn thể cổ đông dự họp biểu quyết nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

*Nơi nhận:*

- Các Cổ đông, Website công ty
- UBCKNN, SGDCK TP.HCM
- Thành viên HĐQT, Ban TGD
- Thành viên BKS
- Website công ty: [www.dongnai-port.com](http://www.dongnai-port.com)
- Lưu VT, TK

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

**CHỦ TOA ĐẠI HỘI**



**ĐỖ VĂN SÂM**





Số: 20/2016/BB-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 15 tháng 03 năm 2016

## BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600334112 (Số CN ĐKDN cũ là: 4703000301)  
do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần thứ 5 vào ngày 24/12/2014.

### ❖ THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC:

**Thời gian:** 08 giờ 00, ngày 15 tháng 03 năm 2016

**Địa điểm:** Trung tâm tổ chức hội nghị và tiệc cưới Golden Palace

Số 04-06 Đường Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai

## PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

### I. Khai mạc cuộc họp

**Ông Phan Trọng Dũng – Thành viên HĐQT thay mặt Ban tổ chức đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội.**

Đại biểu tham dự đại hội gồm có:

- Đại diện Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp.
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Các cổ đông và người đại diện được ủy quyền.

### II. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

- Người báo cáo: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn - Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
- Nội dung báo cáo:
  - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 17/02/2016, sở hữu 12.347.987 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

- Tổng số cổ đông và người đại diện cổ đông tham dự Đại hội ngày hôm nay là 105 Cổ đông, nắm giữ 11.673.223 Cổ phần của Công ty, chiếm tỷ lệ 94,5354% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, lớn hơn 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Như vậy đã có đủ điều kiện tổ chức Đại hội.
- Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông đều đủ điều kiện tham dự kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

### III. Thông qua quy chế làm việc của Đại hội:

Ông Huỳnh Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT đọc quy chế làm việc của Đại hội và Đại hội đồng cổ đông thông qua 100% Quy chế này.

### IV. Giới thiệu Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn và Ban Kiểm Phiếu

#### Chủ tịch đoàn:

- Ông Đỗ Văn Sâm                      Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn
- Bà Nguyễn Thị Bạch Mai        Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên
- Ông Huỳnh Ngọc Tuấn            Thành viên HĐQT - Thành viên

#### Thư ký:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Khanh – Thư ký HĐQT
- Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký

#### Ban kiểm phiếu:

- Ông Trần Văn Nguyên – Trưởng ban
- Ông Trần Văn Phú – Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hải – Thành viên

Đại hội nhất trí thông qua danh sách danh sách Chủ tịch Đoàn, Ban Thư ký, Ban Kiểm Phiếu

### V. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Ông Đỗ Văn Sâm – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội

## PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày nội dung sau:

1. Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – Phó chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2015 và nhiệm kỳ 2011 - 2015.
2. Ông Đỗ Văn Sâm – Chủ tịch HĐQT báo cáo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016 và nhiệm kỳ 2016 – 2020.



3. Bà Nguyễn Thị Hạnh - Trưởng Ban Kiểm Soát đọc nhận xét của Công ty kiểm toán về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và báo cáo công tác kiểm soát hoạt động năm 2015 của Công ty.

4. Ông Huỳnh Ngọc Tuấn - Thành viên HĐQT đọc Tờ trình về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016.

**a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015**

Vốn điều lệ tại thời điểm 15/03/2016: 123.479.870.000 đồng

STT	NỘI DUNG	ĐVT	TỶ LỆ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lợi nhuận sử dụng để phân phối	Đồng		48.221.890.661	
2	Trích lập các quỹ	Đồng		26.522.039.863	
2.1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Đồng	4%	1.928.875.626	
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	40%	19.288.756.264	
2.3	Quỹ chi cho công tác xã hội	Đồng	3%	1.446.656.720	
2.4	Quỹ khen thưởng & phúc lợi	Đồng	7%	3.375.532.346	
2.5	Quỹ khen thưởng ban điều hành	Đồng	1%	482.218.907	
3	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ	Đồng		21.699.850.798	
4	Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang	Đồng		1.935.866.671	
5	Chia cổ tức	Đồng	17%	20.991.577.900	
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau	Đồng		2.644.139.569	

**b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016**

Vốn điều lệ cuối năm: 123.479.870.000 đồng

STT	NỘI DUNG	ĐVT	TỶ LỆ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lợi nhuận sử dụng để phân phối	Đồng		49.500.000.000	
2	Trích lập các quỹ	Đồng		27.225.000.000	
2.1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Đồng	4%	1.980.000.000	
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	40%	19.800.000.000	
2.3	Quỹ chi cho công tác xã hội	Đồng	3%	1.485.000.000	
2.4	Quỹ khen thưởng & phúc lợi	Đồng	7%	3.465.000.000	
2.5	Quỹ khen thưởng ban điều hành	Đồng	1%	495.000.000	
3	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ	Đồng		22.275.000.000	
4	Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang	Đồng		2.644.139.569	
5	Dự kiến chia cổ tức	Đồng	19%	23.461.175.300	
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau	Đồng		1.457.964.269	



**5. Ông Huỳnh Ngọc Tuấn - Thành viên HĐQT đọc tờ trình về mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT và Mức lương chuyên trách của Trưởng Ban kiểm soát như sau:**

- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT của Công ty trong năm 2015 là 1% lợi nhuận sau thuế (48.273.088.709 đồng x 1% = 482.731.000 đồng).
- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT của Công ty trong năm 2016 là 1% lợi nhuận sau thuế.
- Mức lương chuyên trách của Trưởng Ban kiểm soát năm 2016 là 25.200.000 đồng.

**6. Ông Huỳnh Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT đọc tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.**

**a) Danh sách các Công ty kiểm toán đề nghị:**

- Công ty TNHH kiểm toán D.T.L
- Công ty TNHH dịch vụ tư vấn, tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN)
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C

**b) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán:**

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ba công ty kiểm toán nêu trên và ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán thực hiện báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

**7. Ông Đỗ Văn Sâm – Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty.**

**PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:**

- Số dư cổ tức chuyển sang năm 2016 cao, đề nghị công ty tăng mức chia cổ tức năm 2015.
  - Số thặng dư cổ phần tính đến cuối năm 2015 cao, đề xuất HĐQT có kế hoạch chia cổ phiếu thưởng.
  - Doanh thu những năm gần đây tăng trưởng tốt nhưng lợi nhuận tăng không tương ứng. Định hướng nhiệm kỳ 2016-2020 chưa nêu cụ thể chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận.
  - Khu vực Gò Dầu đã hoàn thành bến 30.000DWT. Khó khăn hiện tại tại khu vực cảng Gò Dầu như thế nào? Giải pháp chiến lược nào để phát triển hoạt động khai thác tại Gò Dầu nhằm cạnh tranh với các cảng có cùng ngành nghề tại khu vực?
  - Công suất hoạt động hiện tại của bến 30.000DWT là bao nhiêu?
  - Định hướng phát triển hoạt động logistics tại khu vực Long Bình Tân như thế nào?
- ⇒ HĐQT đã trả lời từng câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề nêu trên như sau:
- Trong những năm qua công ty đã sử dụng vốn vay để đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng phục vụ việc khai thác và mở rộng cảng, đầu tư trang thiết bị và gia tăng các hoạt động sản xuất kinh doanh nên chi phí tài chính cũng tăng, ảnh hưởng đến mức lợi nhuận trước thuế.
  - Mức chi cổ tức năm 2015: HĐQT đề nghị cổ đông chấp thuận mức chia cổ tức năm 2015.



- Vốn thặng dư/quỹ đầu tư: Đoàn chủ tịch ghi nhận ý kiến và sẽ chuyển HĐQT tính toán tốt nhất cho cổ đông.
  - Việc phát triển tại Gò Dầu: Công ty có lượng hàng hóa tiềm năng và một số loại hàng khác phục vụ xuất nhập khẩu như: than, alumin.... để có chiến lược cạnh tranh với các cảng trong khu vực.
  - Khó khăn hiện tại tại khu vực Gò Dầu: luồng sông Thị Vải chưa được công bố gây ảnh hưởng đến việc tiếp nhận tàu lớn. Công ty đang tích cực làm việc với các cơ quan Nhà nước để được sớm hoàn tất các thủ tục công bố luồng Thị Vải.
- Hoạt động logistics:** Công ty đang tập trung khai thác trước một số thị trường trong năm 2015, định hướng năm 2016 sẽ mở rộng thị trường nội địa và kết nối xa hơn trong những năm tới.

#### PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ

##### **Ông Trần Văn Nguyên – Trưởng ban kiểm phiếu thông qua quy chế bầu cử tại đại hội.**

- Tại thời điểm bỏ phiếu, số cổ đông tham dự Đại hội đại diện cho 11.673.223 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Đại hội tiến hành biểu quyết.

##### **Ông Trần Văn Nguyên – Trưởng ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu các vấn đề biểu quyết của đại hội.**

- Tổng số phiếu phát ra tương ứng với 11.673.223 cổ phần.
- Tổng số phiếu thu vào tương ứng với 11.657.289 cổ phần, 99,8635% trên tổng số phiếu phát ra.

- **Nội dung 1: Báo cáo HĐQT về tình hình SXKD năm 2015, nhiệm kỳ 2011 - 2015 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.**

##### ➤ **Kết quả**

+ Số phiếu tán thành: 88	- Số cổ phần: 11.330.435 cp	- Tỷ lệ: 97,0635% số CPBQ dự họp
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0 cp	- Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
+ Số phiếu không ý kiến: 2	- Số cổ phần: 71.832 cp	- Tỷ lệ: 0,6154% số CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 4	- Số cổ phần: 255.022 cp	- Tỷ lệ: 2,1847% số CPBQ dự họp

##### ➤ **Như vậy Nội dung 1 đã được thông qua.**

- **Nội dung 2: Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán (do Công ty TNHH kiểm toán D.T.L thực hiện).**

##### ➤ **Kết quả**

+ Số phiếu tán thành: 88	- Số cổ phần: 11.330.435 cp	- Tỷ lệ: 97,0635% số CPBQ dự họp
--------------------------	-----------------------------	----------------------------------

- + Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không ý kiến: 2 - Số cổ phần: 71.832 cp - Tỷ lệ: 0,6154% số CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 4 - Số cổ phần: 255.022 cp - Tỷ lệ: 2,1847% số CPBQ dự họp

➤ Như vậy Nội dung 2 đã được thông qua.

- **Nội dung 3: Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty năm 2015.**

- **Kết quả**

- + Số phiếu tán thành: 88 - Số cổ phần: 11.330.435 cp - Tỷ lệ: 97,0635% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không ý kiến: 2 - Số cổ phần: 71.832 cp - Tỷ lệ: 0,6154% số CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 4 - Số cổ phần: 255.022 cp - Tỷ lệ: 2,1847% số CPBQ dự họp

- Như vậy Nội dung 3 đã được thông qua.

- **Nội dung 4: Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2015, kế hoạch phân phối năm 2016.**

- **Kết quả**

- + Số phiếu tán thành: 83 - Số cổ phần: 11.084.703 cp - Tỷ lệ: 94,9584% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không tán thành: 5 - Số cổ phần: 245.732 cp - Tỷ lệ: 2,1051% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không ý kiến: 2 - Số cổ phần: 71.832 cp - Tỷ lệ: 0,6154% số CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 4 - Số cổ phần: 255.022 cp - Tỷ lệ: 2,1847% số CPBQ dự họp

➤ Như vậy Nội dung 4 đã được thông qua.

- **Nội dung 5: Mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2015, kế hoạch thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2016 và lương chuyên trách của Trưởng Ban kiểm soát năm 2016.**

- **Kết quả**

- + Số phiếu tán thành: 87 - Số cổ phần: 11.315.495 cp - Tỷ lệ: 96,9355% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp



- + Số phiếu không ý kiến: 3                    - Số cổ phần: 86.772 cp                    - Tỷ lệ: 0,7433% số CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 4                    - Số cổ phần: 255.022 cp                    - Tỷ lệ: 2,1847% số CPBQ dự họp
- Lương chuyên trách của Trưởng Ban kiểm soát năm 2016 là 25.200.000 đồng.

➤ Như vậy Nội dung 5 đã được thông qua.

- **Nội dung 6: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.**

➤ **Kết quả**

- + Số phiếu tán thành: 88                    - Số cổ phần: 11.330.435 cp                    - Tỷ lệ: 97,0635% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không tán thành: 0                    - Số cổ phần: 0 cp                    - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không ý kiến: 2                    - Số cổ phần: 71.832 cp                    - Tỷ lệ: 0,6154% số CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 4                    - Số cổ phần: 255.022 cp                    - Tỷ lệ: 2,1847% số CPBQ dự họp

➤ Như vậy Nội dung 6 đã được thông qua.

- **Nội dung 7: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty.**

➤ **Kết quả**

- + Số phiếu tán thành: 87                    - Số cổ phần: 11.287.789 cp                    - Tỷ lệ: 96,6981% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không tán thành: 0                    - Số cổ phần: 0 cp                    - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không ý kiến: 3                    - Số cổ phần: 114.478 cp                    - Tỷ lệ: 0,9807% số CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 4                    - Số cổ phần: 255.022 cp                    - Tỷ lệ: 2,1847% số CPBQ dự họp

➤ Như vậy Nội dung 7 đã được thông qua.

- **Nội dung 7: Thông qua Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 – 2020:**

Thông qua danh sách đề cử thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2016-2020 gồm những ông bà có tên sau:

1. Ông Trần Thanh Hải
2. Ông Đỗ Văn Sâm
3. Ông Huỳnh Ngọc Tuấn
4. Ông Phan Trọng Dũng
5. Ông Nguyễn Thanh Tùng

➤ **Kết quả**

- + Số phiếu tán thành: 105 - Số cổ phần: 11.673.223 cp - Tỷ lệ: 100% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp

Thông qua danh sách đề cử thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2016-2020 gồm những ông bà có tên sau:

1. Bà Lê Thị Bích Loan
2. Bà Hoàng Thị Thu Thủy
3. Ông Võ Văn Minh

➤ **Kết quả**

- + Số phiếu tán thành: 105 - Số cổ phần: 11.673.223 cp - Tỷ lệ: 100% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
- + Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp
- Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0% số CPBQ dự họp

**Danh sách trúng cử TV HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2020:**

STT	Họ và tên	Số phiếu	Tỷ lệ
1	Ông Trần Thanh Hải	65	133,6297%
2	Ông Đỗ Văn Sâm	82	112,2004%
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	66	93,9465%
4	Ông Phan Trọng Dũng	54	37,2160%
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	50	122,3249%

**Danh sách trúng cử TV BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020:**

STT	Họ và tên	Số phiếu	Tỷ lệ
1	Bà Lê Thị Bích Loan	80	129,2506%
2	Bà Hoàng Thị Thu Thủy	79	86,9778%
3	Ông Võ Văn Minh	72	83,1539%



## PHẦN V: THÔNG QUA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu, các thành viên Hội đồng quản trị và Biên kiểm soát trúng cử nhiệm kỳ 2016 – 2020 đã nhóm họp và thông báo kết quả đến toàn thể Đại hội như sau:

- Chủ tịch HĐQT : Ông Trần Thanh Hải;
- Trưởng Ban kiểm soát: Bà Lê Thị Bích Loan.

## PHẦN VI: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Ông Đỗ Văn Sâm thay mặt Đoàn Chủ tịch điều hành đại hội thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 với 100 % số phiếu tán thành.

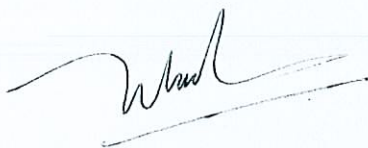
Bà Nguyễn Thị Ngọc Khanh đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 với 100 % số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

Đại hội kết thúc 12 giờ 30 cùng ngày.

### THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thị Ngọc Khanh





Biên Hòa, ngày 25 tháng 02 năm 2016

## TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/ND-CP ngày 20/07/2012, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/ND-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/ND-CP;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú/ Căn cứ Pháp lý
1	<b>Điểm b, Khoản 1, Điều 1:</b> “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;	<b>Điểm b, Khoản 1, Điều 1:</b> “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	
2	<b>Điểm d, Khoản 1, Điều 1:</b> “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	<b>Điểm d, Khoản 1, Điều 1:</b> “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán	<i>Khái niệm “Người có liên quan” được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau tùy theo từng trường hợp cụ thể.</i>
3	<b>Khoản 4 Điều 2:</b> “Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty”	<b>Khoản 4, Điều 2:</b> “Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty”	
4	<b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b> [...]	<b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập, cổ đông nước ngoài</b> [...]	
5	<b>Khoản 3 Điều 5:</b> Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được	<b>Khoản 3 Điều 5:</b> Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 11 Điều lệ này	

	quy định tại Điều 11 Điều lệ này.		
6	<b>Điều 8:</b>	<b>Khoản 3, 4 Điều 8:</b>  3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.  4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.	<i>Bổ sung thêm Khoản 3, 4 vào Điều 8</i>
7	<b>Mục i, Khoản 2, Điều 11:</b> Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. <i>(Các quyền đối với các loại cổ phần khác.)</i>	<b>Mục i, Khoản 2, Điều 11:</b> Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật	
8	<b>Khoản 3, Điều 11:</b> “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên...”	<b>Khoản 3 Điều 11:</b> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên	
9	<b>Điểm b, Khoản 3, Điều 11:</b> Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp	<b>Điểm b, Khoản 3, Điều 11:</b> Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp	<i>Căn cứ Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014</i>



10	<b>Điểm e, Khoản 3, Điều 13:</b> Ban kiểm soát..... theo <b>Điều 119</b> Luật Doanh nghiệp.....	<b>Điểm e, Khoản 3, Điều 13:</b> Ban kiểm soát..... theo <b>Điều 160</b> Luật Doanh nghiệp ....	<i>Căn cứ Điều 160, Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014</i>
11	<b>Điểm b, Khoản 4, Điều 13:</b> Trường hợp Hội đồng quản trị..... theo quy định <b>Khoản 5 Điều 97</b> Luật Doanh nghiệp	<b>Điểm b, Khoản 4, Điều 13:</b> Trường hợp Hội đồng quản trị..... theo quy định <b>Khoản 5 Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp	<i>Căn cứ Khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014</i>
12	<b>Điểm c, Khoản 4, Điều 13:</b> Trường hợp Ban kiểm soát..... theo quy định <b>Khoản 6, Điều 97</b> Luật Doanh nghiệp	<b>Điểm c, Khoản 4, Điều 13:</b> Trường hợp Ban kiểm soát..... theo quy định <b>Khoản 6, Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp.	<i>Căn cứ Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014</i>
13	<b>Điểm p, Khoản 2, Điều 14:</b> Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b>Khoản 1 Điều 120</b> Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	<b>Điểm p, Khoản 2, Điều 14:</b> Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b>Khoản 1 Điều 162</b> Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	<i>Căn cứ Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014</i>
14	<b>Mục m Khoản 2 Điều 14:</b> Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán	<b>Mục m Khoản 2 Điều 14:</b> Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty	
15	<b>Khoản 2 Điều 14:</b>	<b>Mục r, s Khoản 2 Điều 14:</b> r. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; s. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại	<i>Thêm mục r, s vào Khoản 2 Điều 14</i>

16	<p><b>Mục a Khoản 3 Điều 14:</b></p> <p>Thông qua các hợp đồng quy định tại <b>Khoản 1 Điều 14</b> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng</p>	<p><b>Mục a Khoản 3 Điều 14:</b></p> <p>Thông qua các hợp đồng quy định tại <b>Khoản 2 Điều 14</b> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng</p>	
17	<p><b>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p><b>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</b></p> <p>1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p> <p>a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.</li> <li>- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.</li> <li>- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.</li> <li>- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.</li> <li>- Cổ đông sở hữu từ 40% trở lên là 05 người đại diện.</li> </ul> <p>b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>c. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Tổng công ty và chỉ</p>	



<p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được thông báo. Văn bản uỷ quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;</li> <li>- Số lượng người đại diện theo uỷ quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo uỷ quyền;</li> <li>- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo uỷ quyền;</li> <li>- Thời hạn uỷ quyền tương ứng của từng người đại diện theo uỷ quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được uỷ quyền;</li> <li>d. Người đại diện theo uỷ quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</li> <li>- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;</li> <li>- Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo uỷ quyền tại Tổng công ty.</li> </ul> </li> </ul>	
--	--	--

2. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa cử người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Tổng công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu



bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

		<p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
18	<p><b>Mục b Khoản 5 Điều 17</b></p> <p>Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</p>	<p><b>Mục b Khoản 5 Điều 17</b></p> <p>Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</p>	
19	<p><b>Khoản 1, Điều 18:</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><b>Khoản 1, Điều 18:</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><i>Căn cứ Khoản 1, Điều 141 Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014</i></p>
20	<p><b>Khoản 2, Điều 18:</b></p> <p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 18:</b></p> <p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><i>Căn cứ Khoản 2, Điều 141 Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014</i></p>



	phần có quyền biểu quyết.		
21	<p><b>Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Định hướng phát triển Tổng công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p>	

d. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

4. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.



22	<p><b>Điểm g, Khoản 5, Điều 21:</b></p> <p>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>[...]</p>	<p><b>Điểm g, Khoản 5, Điều 21:</b></p> <p>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>[...]</p>	<p><i>Căn cứ Điểm e, Khoản 5, Điều 145, Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014</i></p>
23	<p><b>Khoản 8, Điều 21:</b></p> <p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><b>Khoản 8, Điều 21:</b></p> <p>Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định</p>	<p><i>Căn cứ Khoản 4, Điều 144, Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014.</i></p>
24	<p><b>Điều 22:</b></p> <p>Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc...</p>	<p><b>Điều 22:</b></p> <p>Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ ...</p>	
25	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 24:</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng</p>	<p><b>Điều 24:</b></p> <p>1. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13;</li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</li> </ul>	<p><i>Sửa đổi Khoản 1, 2 Điều 24</i></p>

số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.



26	<p><b>Điểm c, Khoản 4, Điều 25:</b></p> <p>Trong phạm vi quy định tại <b>Khoản 2 Điều 108</b> Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>Khoản 3 Điều 120</b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh)</p>	<p><b>Điểm c, Khoản 4, Điều 25:</b></p> <p>Trong phạm vi quy định tại <b>Khoản 2 Điều 149</b> Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>Khoản 3 Điều 162</b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh)</p>	<p><i>Căn cứ Khoản 2, Điều 149 và Khoản 3, Điều 162, Luật Doanh nghiệp số 68, năm 2014.</i></p>
27	<p><b>Khoản 1 Điều 32:</b></p> <p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là 05 người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</li> <li>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</li> </ol>	<p><b>Điều 32:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</li> <li>2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</li> <li>3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</li> </ol> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm</p>	

	<p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>28</p>	<p><b>Khoản 2, 3, 4 Điều 32:</b></p> <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 32:</b></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</p> <p>Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ,</p>	



	<p>không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh của Tổng công ty;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;</p> <p>d. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;</p>	
29	<p><b>Điều 33: Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối</p>	<p><b>Điều 33. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:</p> <p>a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;</p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu</p>	

<p>kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát</p>	<p>khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này;</p> <p>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;</p> <p>Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;</p> <p>g. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;</p> <p>h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;</p>	
--	---	--



	<p>hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;</p> <p>k. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>l. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</p> <p>a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.</p> <p>b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.</p>	
30	Khoản 1 Điều 37:	Khoản 1 Điều 37:	

- NAI \* d -

<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <b>Khoản 2 Điều 24</b> và <b>Khoản 2 Điều 32</b> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <b>Khoản 3 Điều 24</b> và <b>Khoản 4 Điều 32</b> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này</p>	
---	--	--